



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Tổng công ty**

**Quyết định cổ phần hóa** Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn  
Phường Ngã Tư Sứ, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



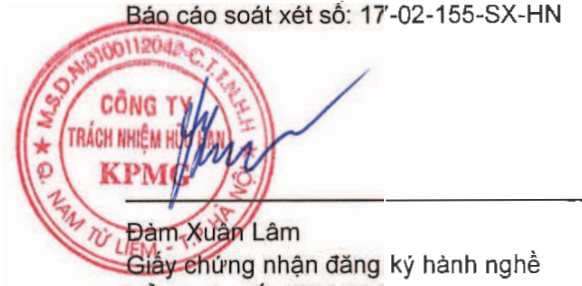
### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-155-SX-HN



**Đàm Xuân Lâm**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 01a - DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>2.938.867.042.268</b>	<b>2.556.268.617.270</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>562.679.533.479</b>	<b>605.917.594.464</b>
Tiền	111		173.929.738.479	183.867.799.464
Các khoản tương đương tiền	112		388.749.795.000	422.049.795.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.186.482.787.259</b>	<b>1.191.169.714.476</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	1.275.321.994.247	1.196.762.078.199
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		79.601.405.256	164.813.568.320
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	23.620.687.904	18.725.232.997
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(192.385.677.361)	(189.342.525.522)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		324.377.213	211.360.482
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>1.128.729.738.387</b>	<b>733.380.600.929</b>
Hàng tồn kho	141		1.128.729.738.387	733.380.600.929
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>60.974.983.143</b>	<b>25.800.707.401</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.523.040.031	7.152.230.799
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.760.450.325	15.208.976.765
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20	2.691.492.787	3.439.499.837

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a - DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>809.183.791.888</b>	<b>814.708.236.499</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.825.000.000</b>	<b>3.825.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3.825.000.000	3.825.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>502.033.258.168</b>	<b>499.883.548.672</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	499.221.889.927	497.203.650.120
<i>Nguyên giá</i>	222		1.006.938.403.647	956.784.666.451
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(507.716.513.720)	(459.581.016.331)
Tài sản cố định vô hình	227		2.811.368.241	2.679.898.552
<i>Nguyên giá</i>	228		7.750.535.312	7.265.535.312
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.939.167.071)	(4.585.636.760)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>3.234.686.485</b>	-
<i>Nguyên giá</i>	231	15	3.234.686.485	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>75.583.370.490</b>	<b>80.639.517.992</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	75.583.370.490	80.639.517.992
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>66.041.169.261</b>	<b>67.080.380.386</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	66.041.169.261	67.080.380.386
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>158.466.307.484</b>	<b>163.279.789.449</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	158.466.307.484	163.279.789.449
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.748.050.834.156</b>	<b>3.370.976.853.769</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

HÓA DẦU PETROLIMEX

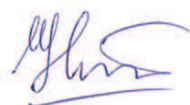
**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a - DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.468.719.379.418</b>	<b>2.019.622.154.131</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.421.142.565.262</b>	<b>1.978.198.065.264</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	953.589.612.916	581.884.329.777
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.460.354.763	39.272.546.209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	17.014.812.257	20.528.544.581
Phải trả người lao động	314		25.433.046.607	48.368.119.724
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	24.390.456.399	11.551.069.588
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	15.940.725.896	17.576.276.698
Vay ngắn hạn	320	23(a)	1.357.083.474.637	1.255.895.802.688
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	11.230.081.787	3.121.375.999
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>47.576.814.156</b>	<b>41.424.088.867</b>
Vay dài hạn	338	23(b)	47.576.814.156	41.424.088.867
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.279.331.454.738</b>	<b>1.351.354.699.638</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>1.279.331.454.738</b>	<b>1.351.354.699.638</b>
Vốn cổ phần	411	26	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	26	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	338.290.620.318	298.985.382.014
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25	108.574.319.729	219.902.802.933
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.611.404.683	15.079.299.599
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		106.962.915.046	204.823.503.334
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.748.050.834.156</b>	<b>3.370.976.853.769</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 02a - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>30</b>	<b>2.387.727.254.094</b>	<b>2.307.869.753.052</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>30</b>	<b>1.708.686.000</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>2.386.018.568.094</b>	<b>2.307.869.753.052</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>31</b>	<b>1.976.358.587.329</b>	<b>1.878.471.297.853</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>409.659.980.765</b>	<b>429.398.455.199</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	17.867.632.509	22.098.984.696
Chi phí tài chính	22	33	29.137.550.772	36.548.533.365
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		26.021.463.881	31.499.209.553
Phần (lãi)/lãi trong công ty liên kết	24		(1.039.211.125)	9.510.444.917
Chi phí bán hàng	25	34	208.972.626.282	224.823.204.034
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	54.536.839.376	64.243.199.714
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>133.841.385.719</b>	<b>135.392.947.699</b>
Thu nhập khác	31		1.551.388.079	6.339.840.166
Chi phí khác	32		1.070.315.036	1.740.368.687
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>481.073.043</b>	<b>4.599.471.479</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>134.322.458.762</b>	<b>139.992.419.178</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>37</b>	<b>27.359.543.716</b>	<b>30.961.866.799</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>106.962.915.046</b>	<b>109.030.552.379</b>
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	61		106.962.915.046	109.030.552.379
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.324	1.349

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>134.322.458.762</b>	<b>139.992.419.178</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	51.991.646.946	53.727.799.625
Các khoản dự phòng	03	3.043.151.839	719.975.025
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.737.249.720)	(447.764.409)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.717.009.356)	(22.765.778.565)
Chi phí lãi vay	06	26.021.463.881	31.499.209.553
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>200.924.462.352</b>	<b>202.725.860.407</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(30.887.441.155)	162.913.022.411
Biến động hàng tồn kho	10	(395.349.137.458)	(21.404.118.659)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	327.191.571.289	25.209.680.879
Biến động chi phí trả trước	12	4.259.714.535	8.847.463.624
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.021.463.881)	(31.499.209.553)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.208.717.747)	(44.325.991.085)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.282.322.455)	(7.921.185.210)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>48.626.665.480</b>	<b>294.545.522.814</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(53.918.764.425)	(53.717.070.279)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	309.153.636	18.181.818
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	4.513.704.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	10.956.644.066	15.075.151.725
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(42.652.966.723)</b>	<b>(34.110.032.736)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
<b>Mã số</b>	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.594.721.830.656	1.679.032.933.141
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.483.644.183.698)	(2.788.426.060.083)
Tiền trả cổ tức	36	(160.289.406.700)	(2.089.562.695)
<hr/>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(49.211.759.742)</b>	<b>(1.111.482.689.637)</b>
<hr/>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(43.238.060.985)</b>	<b>(851.047.199.559)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>605.917.594.464</b>	<b>1.335.175.091.627</b>
<hr/>			
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60) (Thuyết minh 9)</b>	<b>70</b>	<b>562.679.533.479</b>	<b>484.127.892.068</b>
<hr/>			

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

**(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Tổng công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng công ty có 2 công ty con (01/01/2017: 2 công ty con) như sau:

			<b>30/6/2017 và 01/01/2017</b>
	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>% sở hữu và % quyền biểu quyết</b>
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất	Hà Nội	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng công ty có 1 công ty liên kết (01/01/2017: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 17.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng công ty và các công ty con có 705 nhân viên (01/01/2017: 717 nhân viên), trong đó tại Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP có 344 nhân viên (01/01/2017: 350 nhân viên), Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có 251 nhân viên (01/01/2017: 260 nhân viên) và Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có 110 nhân viên (01/01/2017: 107 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty và các công ty con là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tổng công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

##### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyên khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 8 năm

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng***

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 và tầng 19 tòa nhà Mípec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ 43 đến 46 năm.

***(ii) Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

***(iii) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

11-11-2017



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Chi phí sửa chữa lớn**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban Giám đốc các công ty con về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Tập đoàn”) và các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi nào trong cơ cấu đơn vị phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

**8. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình công ty mẹ - công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn.
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex: Nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh ngành hàng nhựa đường.
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex: Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất có nguồn gốc từ dầu mỏ.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng ra bên ngoài	781.596.908.007	828.579.235.629	775.842.424.458	-	2.386.018.568.094
Doanh thu giữa các bộ phận	2.649.698.918	135.447.818	22.220.000	(2.807.366.736)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	784.246.606.925	828.714.683.447	775.864.644.458	(2.807.366.736)	2.386.018.568.094
Giá vốn hàng bán	543.797.726.410	717.048.092.313	718.320.135.342	(2.807.366.736)	1.976.358.587.329
Chi phí bán hàng	92.176.363.618	84.150.094.968	32.646.167.696	-	208.972.626.282
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.221.582.953	17.663.585.676	6.651.670.747	-	54.536.839.376
Kết quả kinh doanh của bộ phận	118.050.933.944	9.852.910.490	18.246.670.673	-	146.150.515.107
Doanh thu hoạt động tài chính	8.241.910.274	11.188.406.678	5.240.354.466	(6.803.038.909)	17.867.632.509
Chi phí tài chính	1.897.061.334	11.773.414.724	15.767.074.714	(300.000.000)	29.137.550.772
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	(1.039.211.125)	(1.039.211.125)
Thu nhập khác	744.449.985	252.647.613	554.290.481	-	1.551.388.079
Chi phí khác	1.068.236.843	2.078.193	-	-	1.070.315.036
Kết quả từ các hoạt động khác	6.021.062.082	(334.438.626)	(9.972.429.767)	(7.542.250.034)	(11.828.056.345)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	124.071.996.026	9.518.471.864	8.274.240.906	(7.542.250.034)	134.322.458.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.743.823.286	1.960.872.249	1.654.848.181	-	27.359.543.716
Lợi nhuận thuần sau thuế	100.328.172.740	7.557.599.615	6.619.392.725	(7.542.250.034)	106.962.915.046

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

	<b>Dầu mỡ nhờn VND</b>	<b>Nhựa đường VND</b>	<b>Hóa chất VND</b>	<b>Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	885.764.488.952	675.779.046.672	746.326.217.428	-	2.307.869.753.052
Doanh thu giữa các bộ phận	3.690.200.701	-	-	(3.690.200.701)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>889.454.689.653</b>	<b>675.779.046.672</b>	<b>746.326.217.428</b>	<b>(3.690.200.701)</b>	<b>2.307.869.753.052</b>
Giá vốn hàng bán	622.853.539.036	564.845.343.125	694.462.616.393	(3.690.200.701)	1.878.471.297.853
Chi phí bán hàng	115.226.912.134	77.874.197.171	31.722.094.729	-	224.823.204.034
Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.258.620.847	30.363.809.513	3.620.769.354	-	64.243.199.714
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>121.115.617.636</b>	<b>2.695.696.863</b>	<b>16.520.736.952</b>	<b>-</b>	<b>140.332.051.451</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	2.677.275.396	16.162.777.568	3.258.931.732	-	22.098.984.696
Chi phí tài chính	(7.436.014.798)	15.577.579.517	18.896.523.729	9.510.444.917	36.548.533.365
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	9.510.444.917	9.510.444.917
Thu nhập khác	5.254.256.249	1.085.583.917	-	-	6.339.840.166
Chi phí khác	1.740.361.671	7.016	-	-	1.740.368.687
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>13.627.184.772</b>	<b>1.670.774.952</b>	<b>(15.637.591.997)</b>	<b>-</b>	<b>(339.632.273)</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	134.742.802.408	4.366.471.815	883.144.955	-	139.992.419.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.289.274.902	3.495.962.906	176.628.991	-	30.961.866.799
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>107.453.527.506</b>	<b>870.508.909</b>	<b>706.515.964</b>	<b>-</b>	<b>109.030.552.379</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

	<b>Dầu mỡ nhờn VND</b>	<b>Nhựa đường VND</b>	<b>Hóa chất VND</b>	<b>Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.179.065.812	518.149.481.784	13.350.985.883	-	562.679.533.479
Các khoản phải thu ngắn hạn	177.286.628.522	435.197.035.361	599.457.294.134	(25.458.170.758)	1.186.482.787.259
Hàng tồn kho	472.593.031.008	209.382.691.491	446.754.015.888	-	1.128.729.738.387
Tài sản ngắn hạn khác	11.876.293.660	18.348.155.921	30.750.533.562	-	60.974.983.143
Các khoản phải thu dài hạn	-	3.825.000.000	-	-	3.825.000.000
Tài sản cố định	180.164.776.618	220.167.083.940	101.701.397.610	-	502.033.258.168
Bất động sản đầu tư	3.234.686.485	-	-	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	36.612.774.959	24.818.498.500	14.152.097.031	-	75.583.370.490
Đầu tư tài chính dài hạn	576.000.000.000	-	-	(509.958.830.739)	66.041.169.261
Tài sản dài hạn khác	60.545.312.840	25.742.566.180	72.178.428.464	-	158.466.307.484
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.549.492.569.904</b>	<b>1.455.630.513.177</b>	<b>1.278.344.752.572</b>	<b>(535.417.001.497)</b>	<b>3.748.050.834.156</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	293.536.675.713	1.111.938.403.735	1.041.125.656.572	(25.458.170.758)	2.421.142.565.262
Nợ dài hạn	-	-	47.576.814.156	-	47.576.814.156
Vốn chủ sở hữu	1.255.955.894.191	343.692.109.442	189.642.281.844	(509.958.830.739)	1.279.331.454.738
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.549.492.569.904</b>	<b>1.455.630.513.177</b>	<b>1.278.344.752.572</b>	<b>(535.417.001.497)</b>	<b>3.748.050.834.156</b>
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>					
Chi tiêu vốn	25.685.795.690	21.574.520.804	6.658.447.931	-	53.918.764.425
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	28.495.119.479	13.819.920.688	6.928.431.475	-	49.243.471.642
Khấu hao tài sản cố định vô hình	253.382.400	100.147.911	-	-	353.530.311

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2017**

	Dầu mỡ nhờn VND	Nhựa đường VND	Hóa chất VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.712.417.389	415.958.497.547	144.246.679.528	-	605.917.594.464
Các khoản phải thu ngắn hạn	194.647.446.673	368.469.534.268	644.527.540.733	(16.474.807.198)	1.191.169.714.476
Hàng tồn kho	430.815.821.850	96.107.928.378	206.456.850.701	-	733.380.600.929
Tài sản ngắn hạn khác	5.465.573.216	9.287.528.975	11.047.605.210	-	25.800.707.401
Các khoản phải thu dài hạn	-	3.825.000.000	-	-	3.825.000.000
Tài sản cố định	179.456.443.692	208.300.422.568	112.126.682.412	-	499.883.548.672
Tài sản dở dang dài hạn	43.618.500.559	29.342.413.333	7.678.604.100	-	80.639.517.992
Đầu tư tài chính dài hạn	576.000.000.000	-	-	(508.919.619.614)	67.080.380.386
Tài sản dài hạn khác	62.539.480.015	27.266.344.091	73.473.965.343	-	163.279.789.449
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.538.255.683.394</b>	<b>1.158.557.669.160</b>	<b>1.199.557.928.027</b>	<b>(525.394.426.812)</b>	<b>3.370.976.853.769</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	212.873.980.551	810.909.323.921	970.889.567.990	(16.474.807.198)	1.978.198.065.264
Nợ dài hạn	-	-	41.424.088.867	-	41.424.088.867
Vốn chủ sở hữu	1.325.381.702.843	347.648.345.239	187.244.271.170	(508.919.619.614)	1.351.354.699.638
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.538.255.683.394</b>	<b>1.158.557.669.160</b>	<b>1.199.557.928.027</b>	<b>(525.394.426.812)</b>	<b>3.370.976.853.769</b>
<b>Chi tiêu vốn và khấu hao cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>					
Chi tiêu vốn	31.280.492.127	17.007.083.024	5.429.495.128	-	53.717.070.279
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	26.673.723.991	19.767.549.679	5.653.363.507	-	52.094.637.177
Khấu hao tài sản cố định vô hình	132.555.381	95.779.998	-	-	228.335.379

11/01/2017



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	4.846.258.691	2.874.871.359
Tiền gửi ngân hàng	169.083.479.788	180.992.928.105
Các khoản tương đương tiền	388.749.795.000	422.049.795.000
	562.679.533.479	605.917.594.464

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	57.876.265.295	74.570.633.049
<b>Các bên thứ ba</b>		
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	78.764.366.016	69.301.268.313
▪ Công ty TNHH Hóa chất Việt Linh	90.201.735.928	68.731.244.395
▪ Công ty TNHH TM&SX Việt Quang Phát	86.423.945.388	66.305.725.867
▪ Công ty TNHH TMDV Nam Song Anh	78.933.095.771	61.096.651.021
▪ Công ty TNHH Hóa chất Thái Bình Dương	41.927.532.560	47.677.913.542
▪ Công ty TNHH Shin Kwang Global Việt Nam	38.135.426.300	38.135.426.300
▪ Công ty Xây dựng 123 – Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - CTCP	31.688.522.775	30.766.116.715
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	-	41.468.975.598
▪ Các khách hàng khác	771.371.104.214	698.708.123.399
	1.275.321.994.247	1.196.762.078.199

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b> VND	<b>01/01/2017</b> VND
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	11.862.969.390	9.898.771.003
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	1.941.078.451	2.662.958.910
Lãi tiền gửi dự thu	1.349.195.000	858.772.221
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.467.445.063	5.304.730.863
	<b>23.620.687.904</b>	<b>18.725.232.997</b>

**12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

<b>30/6/2017</b>	<b>Giá gốc</b> VND	<b>Dự phòng</b> VND	<b>Giá trị có thể</b> <b>thu hồi</b> VND
<b>Nợ quá hạn</b>			
▪ Dưới 6 tháng	250.461.016.477	-	250.461.016.477
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	3.960.591.202	(1.029.997.949)	2.930.593.253
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	25.922.799.306	(8.759.235.399)	17.163.563.907
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	85.328.266.053	(44.590.818.669)	40.737.447.384
▪ Từ 3 năm trở lên	138.814.321.418	(138.005.625.344)	808.696.074
	<b>504.486.994.456</b>	<b>(192.385.677.361)</b>	<b>312.101.317.095</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (192.385.677.361)

<b>01/01/2017</b>	<b>Giá gốc</b> VND	<b>Dự phòng</b> VND	<b>Giá trị có thể</b> <b>thu hồi</b> VND
<b>Nợ quá hạn</b>			
▪ Dưới 6 tháng	295.368.510.175	-	295.368.510.175
▪ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	14.210.103.271	(1.327.064.269)	12.883.039.002
▪ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	42.547.045.903	(15.636.293.828)	26.910.752.075
▪ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	77.237.056.309	(46.797.425.313)	30.439.630.996
▪ Từ 3 năm trở lên	135.829.469.324	(125.581.742.112)	10.247.727.212
	<b>565.192.184.982</b>	<b>(189.342.525.522)</b>	<b>375.849.659.460</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn (189.342.525.522)

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	40.261.012.407	-	38.983.444.448	-
Nguyên vật liệu	288.465.878.028	-	319.672.588.128	-
Công cụ và dụng cụ	10.540.176.433	-	11.663.314.283	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.832.028.745	-	23.915.504.901	-
Thành phẩm, hàng hóa	764.630.642.774	-	339.145.749.169	-
	<b>1.128.729.738.387</b>	<b>-</b>	<b>733.380.600.929</b>	<b>-</b>

N.Đ. - 2017

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	488.817.691.038	297.609.633.086	150.263.896.174	20.093.446.153	956.784.666.451
Tăng do mua sắm mới	-	4.917.905.000	-	1.579.248.909	6.497.153.909
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.878.225.677	16.752.307.360	3.953.572.000	1.677.305.830	48.261.410.867
Thanh lý	-	-	(768.930.000)	-	(768.930.000)
Giảm khác	(3.835.897.580)	-	-	-	(3.835.897.580)
Số dư cuối kỳ	510.860.019.135	319.279.845.446	153.448.538.174	23.350.000.892	1.006.938.403.647
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	191.643.059.067	154.430.932.193	97.544.416.095	15.962.608.976	459.581.016.331
Khấu hao trong kỳ	21.339.737.597	18.388.981.030	7.540.854.493	1.973.898.522	49.243.471.642
Thanh lý	-	-	(768.930.000)	-	(768.930.000)
Giảm khác	(339.044.253)	-	-	-	(339.044.253)
Số dư cuối kỳ	212.643.752.411	172.819.913.223	104.316.340.588	17.936.507.498	507.716.513.720
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	297.174.631.971	143.178.700.893	52.719.480.079	4.130.837.177	497.203.650.120
Số dư cuối kỳ	298.216.266.724	146.459.932.223	49.132.197.586	5.413.493.394	499.221.889.927

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 201.131 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2017: 192.840 triệu VND).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Bất động sản đầu tư**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	3.234.686.485	-

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tổng công ty là mảnh đất tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư này.

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	80.639.517.992	175.210.359.620
Tăng trong kỳ	47.421.610.516	40.794.964.893
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(48.261.410.867)	(42.270.228.683)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(485.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(211.686.795)	(49.562.451.450)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.234.686.485)	-
Giảm khác	(284.973.871)	-
Số dư cuối kỳ	75.583.370.490	124.172.644.380

01  
NH  
CTP  
LIÊN

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<b>30/6/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</b>		
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	8.550.066.642	13.121.874.398
Xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	15.824.533.842	11.292.216.363
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	4.579.301.244	8.310.850.082
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Dự án xây dựng nhà Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	-	3.234.686.485
Các dự án khác	395.000.000	395.000.000
	<b>36.612.774.959</b>	<b>43.618.500.559</b>
<b>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</b>		
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Thượng Lý	9.764.151.325	10.901.608.400
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Cửa Lò	2.282.336.257	6.020.894.200
Công trình mở rộng Nhà máy nhựa đường Nhà Bè	6.610.444.805	6.003.374.805
Các dự án khác	6.161.566.113	6.416.535.928
	<b>24.818.498.500</b>	<b>29.342.413.333</b>
<b>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</b>		
Công trình kho Đình Vũ	12.042.538.136	5.430.757.807
Các dự án khác	2.109.558.895	2.247.846.293
	<b>14.152.097.031</b>	<b>7.678.604.100</b>
	<b>75.583.370.490</b>	<b>80.639.517.992</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**17. Đầu tư tài chính dài hạn**

Địa chỉ	30/6/2017		01/01/2017	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết
<b>Công ty liên kết</b>				
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP Hải Phòng	6.600.000	43,78%	66.041.169.261	43,78%
			6.600.000	
				67.080.380.386

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	67.080.380.386	61.047.511.083
Phân (lãi)/lãi trong công ty liên kết Thanh lý	(1.039.211.125)	9.510.444.917
	-	(4.557.956.000)
Số dư cuối kỳ	66.041.169.261	66.000.000.000

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đầu tư sản văn phòng VND	Chi phí đất trả trước (*) VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	65.609.554.610	67.390.789.475	11.661.544.264	6.527.950.436	12.089.950.664	163.279.789.449
Tăng trong kỳ	-	-	2.113.516.994	5.530.512.388	3.340.577.729	10.984.607.111
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	211.686.795	-	-	211.686.795
Phân bổ trong kỳ	(1.037.642.179)	(1.357.002.814)	(5.392.643.323)	(5.112.361.188)	(3.110.126.367)	(16.009.775.871)
Số dư cuối kỳ	64.571.912.431	66.033.786.661	8.594.104.730	6.946.101.636	12.320.402.026	158.466.307.484

(\*) Trong chi phí đất trả trước có giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 49.114 triệu VND (01/01/2017: 49.907 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex, một công ty con của Tổng công ty (Thuyết minh 23(b)).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	<b>30/6/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	544.356.964.122	332.991.898.465
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	19.969.699.839	4.395.898.573
▪ Castrol BP PETCO Co., Ltd.	2.108.579.999	3.867.100.611
	<hr/>	<hr/>
	566.435.243.960	341.254.897.649
<b>Các bên thứ ba</b>		
▪ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hà Anh Phát	86.245.993.334	-
▪ GS Global Corp.	49.828.527.215	-
▪ Hong Kong Grand International	35.016.421.921	-
▪ Handsome Chemical Development Ltd.	22.999.640.098	-
▪ Công ty TNHH Hoàng Kim Hưng	12.625.243.040	4.298.138.240
▪ SK Netswworks Co Ltd	-	51.522.338.590
▪ Petronas Chemical Marketing	-	49.335.022.109
▪ Các nhà cung cấp khác	180.438.543.348	135.473.933.189
	<hr/>	<hr/>
	953.589.612.916	581.884.329.777

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ		Số đã khấu trừ trong kỳ		30/6/2017	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	6.912.230.045	382.639.456.030	(212.659.226.143)	(176.794.179.055)	79.552.273	177.833.150	
Thuế nhập khẩu	111.824.978	-	11.977.695.643	(12.044.354.938)	-	178.484.273	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.162.829.859	9.510.782.132	27.359.543.716	(22.208.717.747)	-	2.268.611.241	13.767.389.483	
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.081.599.928	15.764.138.190	(17.498.487.474)	-	-	1.347.250.644	
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.023.932.476	4.869.699.890	(4.171.293.386)	-	-	1.722.338.980	
Thuế khác	164.845.000	-	669.412.023	(669.412.023)	-	164.845.000	-	
	<b>3.439.499.837</b>	<b>20.528.544.581</b>	<b>443.279.945.492</b>	<b>(269.251.491.711)</b>	<b>(176.794.179.055)</b>	<b>2.691.492.787</b>	<b>17.014.812.257</b>	

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	19.134.104.837	4.331.419.668
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	2.084.399.610	6.645.280.910
Chi phí vận chuyển	360.166.308	505.898.643
Các khoản trích trước khác	2.811.785.644	68.470.367
	<hr/>	<hr/>
	24.390.456.399	11.551.069.588
	<hr/>	<hr/>

**22. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cổ tức	1.695.797.200	1.259.645.600
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	3.072.620.890	2.436.939.527
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản phải trả khác	3.172.307.806	5.879.691.571
	<hr/>	<hr/>
	15.940.725.896	17.576.276.698
	<hr/>	<hr/>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

23. Vay	(a) Vay ngắn hạn	01/01/2017		30/6/2017				
		Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	1.255.895.802.688	1.255.895.802.688	1.588.569.105.367	(1.483.644.183.698)	(3.737.249.720)	1.357.083.474.637	1.357.083.474.637

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	5,10% - 5,20%	199.999.806.395	475.002.687.366
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,90%	67.048.184.966	64.225.527.618
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5,30% - 5,40%	122.021.857.927	55.627.780.064
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,85% - 2,00%	236.310.708.048	170.775.457.403
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	2,20% - 2,60%	142.215.571.540	20.571.189.383
Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	4,90% - 5,10%	34.850.514.073	93.102.854.790
Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	VND	5,10% - 5,20%	131.126.953.903	75.337.401.234
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	1,70% - 2,00%	53.151.704.880	258.231.909.693
Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2,20% - 5,20%	245.766.804.427	7.253.085.276
Khoản vay Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	USD	2,05%	95.344.851.222	35.767.909.861
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,30%	23.041.862.535	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	VND	4,90%	6.204.654.720	-
			<b>1.357.083.474.637</b>	<b>1.255.895.802.688</b>

(\*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 6 tháng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn	01/01/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn (*)	41.424.088.867	41.424.088.867	6.152.725.289	-	47.576.814.156	47.576.814.156
Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:						
			Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	01/01/2017 VND
						30/6/2017 VND
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex						
▪ Khoản vay 1			VND	8,5%	2025	27.750.000.000
▪ Khoản vay 2			VND	8,5%	2025	10.400.000.000
▪ Khoản vay 3			VND	8,6%	2025	1.558.356.945
▪ Khoản vay 4			VND	8,5%	2025	1.715.731.922
▪ Khoản vay 5			VND	8,5%	2025	4.321.621.000
▪ Khoản vay 6			VND	8,5%	2025	1.831.104.289
						47.576.814.156
						41.424.088.867

(\*) Vay dài hạn là khoản vay của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (công ty con), có thời hạn 10 năm (án hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản được hình thành trong tương lai bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 49.114 triệu VND (01/01/2017: 49.907 triệu VND) (Thuyết minh 18) và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ. Theo thỏa thuận giữa Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex, chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 của khoản vay 1 và khoản vay 2 được chuyển thành các khoản vay dài hạn mới (khoản vay 3 và khoản vay 4).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.121.375.999	(2.729.592.945)
Trích lập trong kỳ	17.391.028.243	17.006.731.962
Sử dụng trong kỳ	(9.282.322.455)	(7.921.185.210)
Số dư cuối kỳ	11.230.081.787	6.355.953.807

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTPC**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư ngày 01/01/2016</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	232.943.693.904	20.463.604.691	85.731.505.915	1.151.141.714.510
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	109.030.552.379	109.030.552.379
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	69.210.589.531	-	(69.210.589.531)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(17.006.731.962)	(17.006.731.962)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(7.863)	(7.863)
<b>Số dư ngày 30/6/2016</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	302.154.283.435	20.463.604.691	108.544.728.938	1.243.165.527.064
<b>Số dư ngày 01/01/2017</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	298.985.382.014	20.463.604.691	219.902.802.933	1.351.354.699.638
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	106.962.915.046	106.962.915.046
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	39.305.238.304	-	(39.305.238.304)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(17.391.028.243)	(17.391.028.243)
Chia cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	297	297
<b>Số dư ngày 30/6/2017</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	338.290.620.318	20.463.604.691	108.574.319.729	1.279.331.454.738

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2017		01/01/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	30/6/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**27. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 161.595.132.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận năm 2016 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: Không).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	64.705.845.319	37.061.448.006

**(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	456.738	10.374.480.989	327.884	7.443.668.553
Euro (“EUR”)	546	14.556.682	478	12.198.088
		<u>10.389.037.671</u>		<u>7.455.866.641</u>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Đã được duyệt	243.681.552.069	152.567.000.000

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty và các công ty con bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán dầu mỡ nhờn	755.601.034.635	876.246.572.983
▪ Bán nhựa đường	830.287.921.629	675.771.046.672
▪ Bán hóa chất, dung môi	775.842.424.458	745.378.370.556
▪ Bán hàng hóa khác	25.995.873.372	10.473.762.841
	<b>2.387.727.254.094</b>	<b>2.307.869.753.052</b>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	1.708.686.000	-
	<b>1.708.686.000</b>	<b>-</b>
Doanh thu thuần	<b>2.386.018.568.094</b>	<b>2.307.869.753.052</b>

**31. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2017</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn dầu mỡ nhờn	516.092.309.602	610.247.327.086
Giá vốn nhựa đường	716.912.644.495	582.395.470.178
Giá vốn hóa chất, dung môi	718.297.915.342	693.711.096.393
Giá vốn hàng hóa khác	25.055.717.890	3.898.138.554
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(11.780.734.358)
	<b>1.976.358.587.329</b>	<b>1.878.471.297.853</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi	11.447.066.845	13.281.403.830
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.079.515.716	7.472.911.714
Lãi hàng bán trả chậm	2.167.979.149	1.344.669.152
Doanh thu hoạt động tài chính khác	173.070.799	-
	<b>17.867.632.509</b>	<b>22.098.984.696</b>

**33. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay	26.021.463.881	31.499.209.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.995.424.871	3.663.950.056
Chiết khấu thanh toán	1.120.662.020	1.172.014.905
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	44.252.000
Chi phí tài chính khác	-	169.106.851
	<b>29.137.550.772</b>	<b>36.548.533.365</b>

**34. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên	25.828.133.274	30.085.424.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.741.322.655	22.577.818.429
Chi phí vận chuyển	47.690.358.346	48.185.784.120
Chi phí hỗ trợ bán hàng	15.492.138.516	12.557.018.334
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	33.894.288.963	46.074.730.824
Chi phí sửa chữa	8.486.452.693	12.911.693.234
Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì	9.516.239.048	10.170.658.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.835.028.563	20.689.016.117
Chi phí bán hàng khác	26.488.664.224	21.571.059.713
	<b>208.972.626.282</b>	<b>224.823.204.034</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	25.445.483.932	28.166.934.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.271.160.280	1.718.025.890
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	26.820.195.164	34.358.239.438
	<b>54.536.839.376</b>	<b>64.243.199.714</b>

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	450.075.244.319	552.465.872.677
Chi phí nhân viên	67.646.984.966	62.638.002.398
Chi phí khấu hao và phân bổ	51.991.646.946	53.727.799.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.145.454.362	85.685.695.136
Chi phí khác	91.121.658.298	143.045.729.871

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	134.322.458.762	139.992.419.178
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	26.864.491.752	27.998.483.836
Chi phí không được khấu trừ thuế	287.209.739	475.493.229
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	207.842.225	2.487.889.734
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>27.359.543.716</b>	<b>30.961.866.799</b>

**(b) Thuế suất áp dụng**

Từ năm 2016, Tổng công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 106.962.915.046 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 109.030.552.379 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông là 80.797.566 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 80.797.566 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Nếu Tổng công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.


### 39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore</b>		
▪ Mua hàng hóa	567.276.535.259	301.128.717.331
<b>Các công ty khác thuộc Petrolimex</b>		
▪ Bán hàng hóa	605.515.780.744	645.378.708.310
▪ Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	66.841.286.324	60.262.748.759
<b>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</b>		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	16.621.555.500	28.427.292.624
<b>Ban Quản lý (Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)</b>		
▪ Tiền lương và thưởng	2.073.187.387	2.019.554.500

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc